

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021; mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022

Thực hiện Công văn số 680-CV/TU ngày 11/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021; xác định mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2022, như sau:

#### I. Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp đã tác động đến các hoạt động của ngành giáo dục và đào tạo. Trước tình hình đó, toàn ngành giáo dục và đào tạo nỗ lực, tích cực thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao, vừa ra sức phấn đấu khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ năm học 2020-2021, đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản, toàn diện, bảo đảm dạy học chất lượng, đúng tiến độ.

#### 1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển giáo dục được UBND tỉnh giao

Sở GDĐT tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai kế hoạch đánh giá ngoài để công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030<sup>1</sup>.

Ước thực hiện năm 2021, số lượng trường đạt kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia như sau: Mầm non có 105/209 trường tỷ lệ 50,24%; Tiểu học có 127/154 trường tỷ lệ 82,47%; Trung học cơ sở có 115/131 trường tỷ lệ 87,8%; TH – THCS có 15/52 trường tỷ lệ 29,4%; THPT có 25/39 trường tỷ lệ 64,11%, chỉ tiêu UBND giao trong năm 2021 lần lượt là 44,81%, 82,91%, 86,36%, 26,92%; 63,16% (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

#### 2. Kết quả về hoạt động dạy, học các cấp học

##### a) Giáo dục mầm non:

Đến thời điểm tháng 10/2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh. Đối với các địa phương không có dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thực hiện đưa trẻ đến trường học trực tiếp<sup>2</sup>; đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại chưa nhận trẻ đến trường và không tổ chức dạy học trực tuyến theo Công văn số 4623/UBND-KGVX ngày

<sup>1</sup> Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>2</sup> Huyện Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ, Minh Long, Lý Sơn.





09/9/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức dạy học an toàn, thích ứng với đại dịch Covid-19<sup>3</sup>.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập trung phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ phụ huynh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà theo các kênh phù hợp; phối hợp với các trường Tiểu học triển khai thực hiện tốt nội dung: “Hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên Tiểu học”. 100% cơ sở GDMN trong tỉnh phối hợp tổ với cha mẹ trẻ để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo Chương trình GDMN; chuẩn bị tốt cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1.

*b) Giáo dục phổ thông:*

*b.1) Giáo dục tiểu học:*

Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 99,8%; Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 15.832/15.946, tỉ lệ 99,29%; Tỷ lệ học sinh bỏ học: 0,014%; Tỷ lệ học sinh khuyết tật trong độ tuổi đi học: Học sinh khuyết tật học hòa nhập: 861/1.143 em đạt tỉ lệ 75,3%; học sinh khuyết tật đi học chuyên biệt: 283 em.

Hiện tại các trường tiểu học tại các huyện, thị xã, thành phố tổ chức dạy học trực tuyến: Thành phố Quảng Ngãi, Đức Phổ, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành. Tỷ lệ học sinh học trực tuyến đạt trên 95%.

Các cơ sở giáo dục đã tổ chức dạy học trực tuyến theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình giáo dục phổ thông, cơ bản đảm bảo sự tương tác giữa giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học. Sở GDĐT, tổ chức tập huấn cho 1.900 cán bộ quản lý, giáo viên đại diện cho 209 trường tiểu học về nội dung dạy học trực tuyến và dạy học qua truyền hình nhằm giúp giáo viên có kỹ năng sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học góp phần nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến.

*b.2) Giáo dục trung học:*

Sở GDĐT, đã tổ chức kỳ thi vào lớp 10 năm học 2021-2022 và Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 được diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng Quy chế thi.

Hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Đề án dạy và học ngoại ngữ, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; Triển khai nâng cao hiệu quả đổi mới phương pháp trong việc kiểm tra, đánh giá dạy và học ngoại ngữ theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh nhằm giúp học sinh và giáo viên có cơ hội rèn luyện, sử dụng ngôn ngữ, giúp duy trì và phát triển các kỹ năng đối với môn tiếng Anh.

<sup>3</sup> Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 03/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức dạy học an toàn, bảo đảm chương trình mục tiêu chất lượng giáo dục, đào tạo ứng phó với đại dịch Covid-19 và Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ GDĐT về thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 ứng phó với dịch Covid-19, tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.



Năm 2021, Sở GDĐT được UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong công tác mua sắm thiết bị hỗ trợ dạy học ngoại ngữ và cấp phát cho các trường phổ thông với tổng kinh phí là 13.500 triệu đồng.

Chỉ đạo các đơn vị cử giáo viên kiêm nhiệm công tác giáo dục hướng nghiệp tham gia các lớp bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng tư vấn, phương pháp tư vấn hiện đại do các cơ sở, các cấp có thẩm quyền tổ chức. Triển khai tài liệu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2020-2021 tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp trong địa bàn tỉnh đạt 21,4%.

### *b.3) Các hoạt động trong trường học và xây dựng xã hội học tập*

Ngành đã tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng (HKPD) tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIII-2021, có 13/13 phòng giáo dục và đào tạo huyện, thị xã, thành phố tham gia thi đấu 12 môn, với 1.287 lượt vận động viên; 39/39 đơn vị trực thuộc tham gia thi đấu, với 12 môn/1.325 lượt vận động viên. Kết quả: Ban Tổ chức đã trao 240 bộ huy chương Vàng (tăng 89 bộ huy chương Vàng so với HKPD năm 2018), 240 bộ huy chương Bạc (tăng 88 bộ huy chương Bạc so với HKPD năm 2018), 367 bộ huy chương Đồng (tăng 138 bộ huy chương Đồng so với HKPD năm 2018).

Phát động các Cuộc thi đên các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh như: tâm gương "Dân vận khéo"; "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; "Chung tay vì an toàn giao thông"; "Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường"; "Biên cương Tổ quốc tôi"; "Chiếc ô tô mơ ước".

Thực hiện Kế hoạch của Bộ GDĐT về Chương trình "Sóng và máy tính cho em", Sở GDĐT phối hợp với Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh tổ chức Lễ trao tặng kinh phí để hỗ trợ trang thiết bị học tập cho các em học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh với số tiền 1.250.000.000 đồng; cấp phát học bổng cho học sinh khó khăn do Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Hội Khuyến học hỗ trợ 123.000.000 đồng.

Triển khai các lớp tập huấn: công tác y tế trường học, tư vấn tâm lý, nâng cao năng lực tư vấn tâm lý cho giáo viên phổ thông và hướng dẫn hoạt động tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông; công tác gia đình, công tác thể thao trường học; Nâng cao năng lực truyền thông về nước-vệ sinh và hướng dẫn sử dụng thiết bị lọc nước uống; Chương trình An toàn giao thông vì nụ cười trẻ thơ<sup>4</sup>; phối hợp triển khai Chương trình Nha khoa học đường do Operation Smile Việt Nam tài trợ tại 4 Trường TH: Tịnh Hà; Hành Thuận; Sơn Thành và Phan Văn Đường cho hơn 1.000 học sinh.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, từng bước được củng

<sup>4</sup> Thu nhận và nộp bài dự thi Chương trình giáo dục giao thông cho nụ cười trẻ thơ, kết quả có 3845 bài giáo viên dự thi và 44.802 bài học sinh dự thi.



có. Thực hiện đánh giá việc xây dựng xã hội học tập của các địa phương và khung năng lực thông tin phục vụ học tập suốt đời cho công dân theo đúng quy định.

Kiểm tra tình hình xây dựng kế hoạch, thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; kiểm tra công tác quản lý, tổ chức hoạt động tại các trung tâm ngoại ngữ, tin học, các công ty được phép tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa.

### **3. Về thực hiện chế độ, chính sách, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường lớp học**

Năm 2021, Sở GDĐT đã bố trí một phần kinh phí thực hiện các đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt với số tiền 65.087 triệu đồng<sup>5</sup> và kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Sở với số tiền 35.100 triệu đồng<sup>6</sup>; công tác mua sắm tài sản, thiết bị dạy học đang thực hiện theo đúng tiến độ đề ra.

### **4. Triển khai chương trình GDPT 2018, công tác phòng, chống dịch Covid-19**

#### *a) Triển khai chương trình GDPT 2018:*

- Về biên soạn tài liệu giáo dục địa phương:

Đối với lớp 1: Qua 01 năm sử dụng sách Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 1, các trường chủ động thực hiện, bước đầu đạt những hiệu quả nhất định, góp phần hình thành phẩm chất và năng lực học sinh theo Chương trình GDPT 2018.

Đối với lớp 2, lớp 6: Sở GDĐT, tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Tài liệu giáo dục địa phương lớp 2, lớp 6 tỉnh Quảng Ngãi<sup>7</sup>. Sở GDĐT phối hợp với Nhà xuất bản thực hiện quy trình thẩm định giá và tổ chức in ấn, tập huấn sử dụng tài liệu từ năm học 2021-2022<sup>8</sup>.

Việc chọn sách giáo khoa (SGK) lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022: Sở GDĐT, tham mưu thực hiện đảm bảo các quy trình về triển khai thực hiện lựa

<sup>5</sup> Thực hiện Đề án nâng cao chất lượng GD phổ thông: 9.900 triệu đồng; Đề án xã hội học tập: 36 triệu; Dự án hợp tác với VVOB chương trình giáo dục mầm non giai đoạn 2017-2021: 291 triệu đồng; Dự án hợp tác với VVOB quan tâm đến giới: 55 triệu đồng; Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025": 823 triệu đồng; Đề án củng cố và phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, giai đoạn 2: 540 triệu đồng; Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo: 900 triệu đồng; Đề án hỗ trợ dạy tiếng Việt cho con em người Việt Nam sống ở Lào: 135 triệu đồng; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục học sinh khiếm thính tiểu học thông qua ngôn ngữ ký hiệu (OIPEDC): 108 triệu đồng; Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025: 38.799 triệu đồng.

<sup>6</sup> Mua sắm thiết bị Lý, Hóa, Sinh cấp cho các trường THPT công lập: 13.500 triệu đồng; mua sắm trang thiết bị cho các trường: 4.500 triệu đồng; mua tài khoản cấp cho giáo viên: 3.600; thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trường lớp học tại các đơn vị trực thuộc Sở: 13.500 triệu đồng.

<sup>7</sup> Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 17/5/2021.

<sup>8</sup> Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định số 2988/QĐ-BGDĐT ngày 27/9/2021 phê duyệt tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 2.



chọn SGK và Danh mục SGK lớp 2, lớp 6 được sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại tỉnh Quảng Ngãi năm học 2021-2022<sup>9</sup>.

Phối hợp Nhà xuất bản có sách được lựa chọn tổ chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 trực tuyến cho cán bộ quản lý và 100 % giáo viên dạy dự kiến dạy lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022. Đến tại thời điểm này học sinh có đủ sách giáo khoa để học tập.

*b) Công tác chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19:*

Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc dạy học an toàn, thích ứng với đại dịch Covid-19<sup>10</sup>. Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ngành giáo dục và đào tạo chủ động phối hợp với các cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt như: phương pháp trực tiếp nếu địa phương không có dịch Covid-19 và dạy học bằng phương pháp trực tuyến kết hợp dạy học trên truyền hình để đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên hoàn thành nhiệm vụ năm học, phù hợp với phương châm “Tạm dừng đến trường, nhưng không dừng học”.

### **5. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức**

Về điều động, bổ nhiệm: Thực hiện quy trình điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 29 cán bộ quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; chuyển công tác 13 giáo viên. Thực hiện tinh giản biên chế năm 2021 đối với 10 viên chức của các đơn vị trực thuộc<sup>11</sup> và tiếp nhận 03 công chức.

Thực hiện Kế hoạch tuyển dụng giáo viên năm 2021<sup>12</sup>. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên chưa tổ chức thi vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành (chỉ tiêu được tuyển dụng giáo viên tại các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT là 82 giáo viên).

Về đào tạo, bồi dưỡng: Cử 57 lượt công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong 6 tháng đầu năm 2021, cụ thể: trình độ Thạc sĩ: 10 người; các lớp bồi dưỡng khác: 47 người nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ<sup>13</sup>.

### **6. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động dạy học theo kế hoạch: Tổ chức 03 cuộc thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong công tác quản lý chuyên

<sup>9</sup> Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh và Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh; Ngày 11/5/2021, Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh Báo cáo số 65/BC-UBND về tình hình triển khai thực hiện lựa chọn sách giáo khoa và Danh mục sách giáo khoa lớp 2 và lớp 6 được lựa chọn tại tỉnh Quảng Ngãi năm học 2021-2022.

<sup>10</sup> Công văn số 4623/UBND-KGVX ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh.

<sup>11</sup> Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh.

<sup>12</sup> Công văn số 1636/UBND-NC ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh.

<sup>13</sup> Chuyên viên: 01; Chuyên viên chính: 03; Thanh tra viên chính: 02; tiếng Anh: 06; lãnh đạo cấp phòng: 35.



môn của nhà trường, đơn vị giáo dục<sup>14</sup> và 16 cuộc thanh tra chuyên ngành theo Kế hoạch<sup>15</sup>; thực hiện 02 cuộc tiếp công dân; tiếp nhận 37 đơn phản ánh (trong đó số đơn thuộc thẩm quyền: 02 đơn), xác minh nội dung phản ánh của ông Đỗ Giang Sơn. Đồng thời, xác minh 168 bằng tốt nghiệp phổ thông (trong đó: 02 văn bằng không có trong hồ sơ lưu tại Sở GDĐT)

## II. Những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh nhà, cũng đang gặp phải những khó khăn, hạn chế nhất định như là:

Hiện nay còn 97 trường học, sau 5 năm nhưng chưa đề nghị kiểm tra, công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có nhiều trường không giữ chuẩn sau khi tự đánh giá (huyện Bình Sơn: 12, huyện Tư Nghĩa: 17, huyện Mộ Đức: 09, Thị xã Đức Phổ: 12, huyện Nghĩa Hành: 22, huyện Minh Long: 01, huyện Sơn Tịnh: 01, Thành phố Quảng Ngãi: 23). Tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiều tiêu chí cao hơn trước đây nên làm cho nhiều trường đã đạt chuẩn chưa đáp ứng theo yêu cầu Thông tư này nên có nguy cơ rớt chuẩn khi kiểm tra lại sau 5 năm.

Theo quy định tại Nghị định 116/2020/NĐ-CP, kinh phí thực hiện đối với sinh viên sư phạm đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu là do địa phương chi trả. Tuy nhiên, nếu số sinh viên này không trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng giáo viên thì xử lý như thế nào thì văn bản không quy định. Ngoài ra, trong quá trình sinh viên học tập, tốt nghiệp tại cơ sở đào tạo có rất nhiều vấn đề có thể xảy ra nên việc thu hồi kinh phí bồi hoàn hỗ trợ gặp nhiều khó khăn.

Thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP: đa số các đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người quản lý doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; do đó, Sở GDĐT gặp khó khăn trong việc tham mưu xác định cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán, kinh phí, quyết toán kinh phí đào tạo, lựa chọn cơ sở đào tạo, xác định hình thức đào tạo, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định.

<sup>14</sup> Thanh tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường THPT số 2 Mộ Đức, THPT Sơn Mỹ (kiến nghị thu hồi nộp NSNN của Trường THPT số 2 Mộ Đức với số tiền: 42.048.000 đồng) và trong 02 tháng cuối năm 2021 tiếp tục thanh tra trách nhiệm Hiệu trưởng Trường THPT Vạn Tường.

<sup>15</sup> Thanh tra trách nhiệm về công tác quản lý các hoạt động chuyên môn Trường THPT chuyên Lê Khiết, Trường phòng GDĐT huyện Nghĩa Hành, Trường THPT Sơn Mỹ; thanh tra thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 và lớp 11 năm học 2020-2021; thi tốt nghiệp Nghề phổ thông khóa ngày 18/4/2021; thanh tra công tác tiếp nhận, bảo quản và sử dụng thiết bị được cấp năm 2020 từ nguồn kinh phí cấp tại Sở GDĐT theo phương thức mua sắm tập trung; thi cấp chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin tại Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Đại Việt; Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 cấp THPT năm học 2021-2022; Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2021 (đợt 1, đợt 2) và trong 02 tháng cuối năm 2021 tiếp tục thanh tra trách nhiệm của Hiệu trưởng trường THPT Sơn Hà trong công tác quản lý các hoạt động chuyên môn.



Tình trạng giáo viên công tác tại các huyện miền núi, xin thuyên chuyển về đồng bằng hằng năm rất lớn, cho nên dẫn đến việc thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở một số cơ sở giáo dục vẫn chưa được giải quyết gây khó khăn cho việc bố trí, sắp xếp đội ngũ và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đối với Giáo dục mầm non, toàn tỉnh thiếu 879 giáo viên (công lập 671, tỷ lệ 76,33%), đồng thời, hết năm học 2020-2021, các cơ sở GDMN cho 411 giáo viên hợp đồng dưới 01 năm nghỉ việc, nâng tổng số giáo viên thiếu lên 1.290 (công lập 780 giáo viên).

Một số phòng học ở khu vực miền núi xây dựng không đảm bảo diện tích, xuống cấp ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học; công trình vệ sinh, nước sạch và bếp ăn ở các huyện miền núi còn thiếu thốn; hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị kết nối còn thiếu; việc tổ chức dạy học trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh gặp nhiều khó khăn, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Định mức phân bổ ngân sách nhà nước xây dựng tạm thời chưa đảm bảo cơ sở thực hiện, phải thường xuyên thực hiện điều chỉnh, cân đối nguồn ngân sách trong năm cho các đơn vị trực thuộc. Nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu thực tế tại các cơ sở giáo dục. Vì vậy, nhiều cơ sở giáo dục chưa đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng theo quy định.

### **III. Mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2022**

#### **1. Mục tiêu**

Ngành giáo dục và đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo có trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức và tinh thần trách nhiệm; Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bảo đảm chất lượng và hiệu quả; Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào lớp 1; Thực hiện hiệu quả phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông; Triển khai hiệu quả môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở theo quy định của Luật Giáo dục 2019; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sửa chữa, chống xuống cấp trường, lớp học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

#### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

##### **2.1. Về giáo dục mầm non**

Phấn đấu trong năm 2022 tăng 03 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia so với ước thực hiện năm 2021 (luỹ kế đạt 108 trường), đạt tỷ lệ 51,67%.

##### **2.2. Về giáo dục phổ thông**

###### **a) Giáo dục tiểu học:**

Đến năm 2021, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học là 99,2%. Phấn đấu trong năm 2022 tăng 02 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia so với ước thực hiện năm 2021 (luỹ kế đạt 127 trường), đạt tỷ lệ 82,50%.



b) Trung học cơ sở:

Phần đầu đến năm 2022 tỷ lệ đi học đúng độ tuổi là 97%. Phần đầu trong năm 2022 giữ vững số trường THCS đạt chuẩn quốc gia so với ước thực hiện năm 2021 (luỹ kế đạt 115 trường), đạt tỷ lệ 87,79%; 15 trường TH-THCS đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 28,85%.

c) Trung học phổ thông:

Phần đầu trong năm 2021 giữ vững số trường THPT đạt chuẩn quốc gia so với ước thực hiện năm 2021 (luỹ kế đạt 25 trường), đạt tỷ lệ 64,10%.

### 2.3. Giáo dục thường xuyên

Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học tập để chuyển đổi nghề, nâng cao giá trị sức lao động. Đến năm 2025, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên là 98% và tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 là 99,5% trở lên đối với cả nam và nữ. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và hình thức giáo dục từ xa; có 80% người lao động được tham gia học tập, cập nhật kiến thức bằng nhiều hình thức khác nhau.

## 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Ngành giáo dục và đào tạo tập trung thực hiện các Nghị quyết, kết luận của Đảng, văn bản chỉ đạo, điều hành về giáo dục và đào tạo, đặc biệt là cơ chế, chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 224-KH/TU ngày 30/9/2019 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 với chỉ tiêu của ngành giáo dục và đào tạo, đến năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 50%, Tiểu học: 88%, Trung học cơ sở: 88,0%, Tiểu học – Trung học cơ sở: 32,0%, THPT: 71,0%.

3.2. Đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; tăng cường giáo dục về công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức công dân, đa dạng hóa các hình thức học tập, đặc biệt các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; thực hiện hiệu quả môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

3.3. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục, đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát các kỳ thi, cuộc thi nhằm đảm bảo công bằng, khách quan, đúng quy chế; Kiên quyết xử lý và kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý kịp thời cá nhân, tổ chức vi phạm; theo



dối kiểm tra công tác quản lý văn bằng chứng chỉ; nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với các đơn vị, cơ sở giáo dục.

3.4. Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp sau trung học phổ thông, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các ngành học, cấp học và trình độ đào tạo. Tăng tỷ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

3.5. Ưu tiên bố trí kinh phí triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch đã được phê duyệt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát những điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,... để tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình GDPT<sup>16</sup>; ưu tiên nguồn kinh phí để tăng cường cơ sở vật chất, củng cố, duy trì và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn tỉnh. Thực hiện bố trí ngân sách tỉnh chi cho giáo dục và đào tạo hằng năm đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18%.

3.6. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài. Tăng cường công tác quản lý đối với các chương trình liên kết giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo, các cơ sở giáo dục, đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Khuyến khích, tạo thuận lợi thực hiện việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

3.7. Đảm bảo cơ sở vật chất cho các trường học có học sinh dân tộc thiểu số; hoàn thiện việc nâng cấp theo hướng chuẩn hoá đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú; phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú; tập trung tham mưu xây dựng nhà bán trú cho học sinh trung học phổ thông để các em có điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập được thuận lợi hơn.

Nâng cao chất lượng dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và chuẩn bị tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo Đề án tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh dân tộc thiểu số.

3.8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học; kiểm tra, đánh giá và quản lý, quản trị trường học; tiếp tục triển khai có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến. Rà soát, sửa đổi và đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo đảm bảo phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

<sup>16</sup> Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT.



3.9. Tuyên truyền chính sách xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân có điều kiện tham gia hình thành hệ thống trường, trung tâm, lớp ngoài công lập ở các cấp học, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

Kính báo cáo Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Bộ GDĐT;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP.

(báo cáo)

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Ngọc Thái**

Biểu mẫu số 6  
**GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Báo cáo số 989/BC-SGDĐT ngày 28/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch	Năm 2021			Dự kiến năm 2022			Ghi chú
					U' TH cả năm	U' TH2021/ TH2020 (%)	U' TH2021/ KH2021 (%)	Kế hoạch	So với KH 2021 (%)	So với U' TH 2021 (%)	
<b>I</b>	<b>Tổng số học sinh có mặt đầu năm học</b>										
1	Giáo dục mầm non	Cháu	58,267	47,260	47,260	81.1%	100.0%	47,360	100.2%	100.2%	
2	Giáo dục phổ thông	H.sinh	211,038	218,390	214,868	101.8%	98.4%	213,431	97.7%	99.3%	
	- Tiểu học	"	97,755	106,422	102,900	105.3%	96.7%	102,000	95.8%	99.1%	
	- Trung học cơ sở	"	75,280	73,816	73,816	98.1%	100.0%	74,200	100.5%	100.5%	
	<i>Trong đó: Dân tộc nội trú</i>	"	1,410	1,410	1,410	100.0%	100.0%	1,410	100.0%	100.0%	
	- Trung học phổ thông	"	36,705	38,152	38,152	103.9%	100.0%	37,231	97.6%	97.6%	
	<i>Trong đó: Dân tộc nội trú</i>	"	500	500	500	100.0%	100.0%	500	100.0%	100.0%	
3	Giáo dục thường xuyên	H.sinh	1,980	2,339	2,339	118.1%	100.0%	2,550	109.0%	109.0%	
4	Đào tạo	H.sinh	2,770	2,600	2,600	93.9%	100.0%				
	- Trung học chuyên nghiệp	Học sinh	710	350	350	49.3%	100.0%				
	- Cao đẳng	"	1,300	1,000	1,000	76.9%	100.0%				
	- Đại học	"	760	680	680	89.5%	100.0%	1,507	221.6%	221.6%	
<b>II</b>	<b>Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo</b>	%	92	93	93	100.5%	100.0%	93	100.5%	100.5%	
<b>III</b>	<b>Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi</b>										
	- Tiểu học	%	99.5	99.1	99.1	99.6%	100.0%	99.20	100.1%	100.1%	
	- Trung học cơ sở	"	96.9	96.9	96.9	100.0%	100.0%	97.00	100.1%	100.1%	
	- Trung học phổ thông	"	74.0	72.0	72.0	97.3%	100.0%	72	100.0%	100.0%	
<b>IV</b>	<b>Tỷ lệ phổ cập giáo dục</b>										
	Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi										
	- Số xã đạt chuẩn	Xã	173	173	173	100.0%	100.0%	173	100.0%	100.0%	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn	%	100	100	100	100.0%	100.0%	100	100.0%	100.0%	
<b>V</b>	<b>Xây dựng trường chuẩn Quốc gia</b>										
1	Số trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường									
	- Mầm non	"	91	95	105	115.4%	110.5%	108	113.7%	102.9%	209 trường
	- Tiểu học	"	124	131	125	100.8%	95.4%	127	96.9%	101.6%	154 trường
	- Trung học cơ sở	"	128	128	130	101.6%	101.6%	130	101.6%	100.0%	
	<i>Trong đó: Trường THCS</i>	"	114	114	115	100.9%	100.9%	115	100.9%	100.0%	131 trường
	Trường TH-THCS	"	14	14	15	107.1%	107.1%	15	107.1%	100.0%	52 trường
	- Trung học phổ thông	"	25	24	25	100.0%	104.2%	25	104.2%	100.0%	39 trường
2	Tỉ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia										
	- Mầm non	%	43.75	44.81	50.24	114.8%	112.1%	51,67%			
	- Tiểu học	%	80.00	82.91	81.17	101.5%	97.9%	82,47%			
	- Trung học cơ sở	%									
	<i>Trong đó: Trường THCS</i>	%	86.36	86.36	87.78	101.6%	101.6%	87,79%			
	Trường TH-THCS	%	27.45	26.92	28.85	105.1%	107.2%	28,85%			
	- Trung học phổ thông	%	65.78	63.16	65.79	100.0%	104.2%	64,10%			